

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1480/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 25 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,15 ha) tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 945/STNMT-CCBVMT ngày 28/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,15 ha) tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,15 ha) tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 26/2024/CV-CT ngày 16/04/2024 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 459/TTr-STNMT ngày 22/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,15 ha) tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cát Thành, huyện

Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

llh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 2,15 HA) TẠI
XÃ CÁT THÀNH, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÁT THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,15 ha) tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Địa điểm thực hiện: xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Cát Thành.
- Địa chỉ liên hệ: thôn Hóa Lạc, xã Cát Thành, huyện Phù Cát.
- Điện thoại: 0256.3690191 – 0981289579 0.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 2,15 ha.
- Thời hạn khai thác: 02 năm.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh Bình Định là 102.314 m³ đất địa chất (hệ số nở ròi: 1,228).
- Công suất khai thác:
 - + Năm thứ nhất: 40.332 m³ đất địa chất/năm (phục vụ thi công công trình xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát).
 - + Năm thứ hai: 40.332 m³ đất địa chất/năm (phục vụ thi công các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo Văn bản số 1822/UBND-KT ngày 23/3/2024 của UBND tỉnh).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực dự án có diện tích 2,15 ha được chia làm 02 khoảnh khai thác (diện tích khoảnh 1 là 1,16 ha và diện tích khoảnh 2 là 0,99 ha). Thực hiện khai thác và san gạt, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường trình tự cuốn chiếu từng năm.
- Phương pháp khai thác:

+ Năm 1: mở vỉa tại cao độ cos +58m ở phía Tây Nam khu vực dự án (gần điểm mốc số 6, thuộc khoảnh 1), khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 3,5m, địa hình kết thúc thoải dần từ Tây sang Đông với cao độ từ +56m đến +27m (đã bao gồm lớp đất +0,6m để lại trồng cây).

+ Năm 2: mở vỉa tại cao độ cos +28m ở phía Tây Nam khu vực dự án (gần điểm mốc số 5, thuộc khoảnh 2), khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 4,1m, địa hình kết thúc thoải dần từ Tây sang Đông với cao độ +27m đến +12m (đã bao gồm lớp đất +0,6m để lại trồng cây).

- Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài 657 m; mương thu gom nước dục hai bên tuyến đường công vụ trong mỏ có tổng chiều dài 540 m; 02 hố giảm tốc (phía Đông khoảnh 1 và phía Đông Bắc khoảnh 2).

- Tuyến đường giao thông:

+ Tuyến đường ngoài mỏ (sử dụng tuyến đường đất hiện trạng có sẵn): thực hiện và cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất phục vụ khai thác (có kích thước: dài 200 m x rộng 4 m) để phục vụ hoạt động vận chuyển đất đến công trình.

+ Tuyến đường công vụ trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dục tuyến đường) dài khoảng 540 m.

- Khu vực phụ trợ (nằm trong khu vực mỏ; thay đổi theo từng khoảnh khai thác), diện tích khoảng 750 m²: bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác và phương tiện vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 0,77

m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 14.998 m³/ngày (tính đối với lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn khoảng 13,55 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác đất và vận chuyển đất đến nơi phục vụ thi công công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 03 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ; định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

a) Khu vực 1 (1,16 ha)

Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 347 m (kích thước: rộng 2,0 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có tổng chiều dài 340 m (kích thước: rộng 1,0 m x sâu 0,5 m) và mương thoát nước từ hố giảm tốc ra nguồn tiếp nhận có chiều dài khoảng 12 m (kích thước: rộng 2,0 m x sâu 1,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Đông dự án (tọa độ 1.556.927; 599.428), thể tích khoảng 960 m³ (diện tích 320 m², sâu 3 m). Kết cấu hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây, Tây Nam mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hố giảm tốc số 1 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa

bồi) → mương thoát nước (dài khoảng 12 m) → suối cạn hiện trạng bên trong mỏ → suối cạn hiện trạng phía Đông Bắc bên ngoài mỏ.

+ Nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → cống qua đường → hố giảm tốc số 01 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn hiện trạng bên trong mỏ → suối cạn hiện trạng phía Đông Bắc bên ngoài mỏ.

b) Khoảnh 2 (0,99 ha)

Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 310 m (kích thước: rộng 2,0 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có tổng chiều dài 200 m (kích thước: rộng 1,0 m x sâu 0,5 m) và mương thoát nước từ hố giảm tốc ra nguồn tiếp nhận có chiều dài khoảng 20 m (kích thước: rộng 2,0 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 2 phía Đông Bắc (tọa độ 1.546.965; 599.524), thể tích khoảng 864 m³ (diện tích 288 m², sâu 3 m). Kết cấu hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía phía Nam mỏ → mương thu gom → hố giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước (dài khoảng 20 m) → suối cạn hiện trạng phía Đông Bắc bên ngoài mỏ.

+ Nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → cống qua đường → hố giảm tốc số 02 phía Đông Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn hiện trạng phía Đông Bắc bên ngoài mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,...) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại lán trại tạm để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động

cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện giải pháp đảm bảo an toàn các bãi lộ đá nằm trong phạm vi khu vực khai thác khi kết thúc khai thác.

- Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu hằng năm (kết thúc năm thứ nhất thực hiện san gạt, trồng cây phục hồi môi trường khoảng 1 với diện tích 1,16 ha; kết thúc năm thứ 2 thực hiện san gạt, trồng cây phục hồi môi trường phần diện tích còn lại). Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I	Khu vực khai thác			
1	San gạt lại đáy khai trường.	1.935 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
2	Trồng rừng cây keo lai phủ xanh khu vực mỏ	2,15 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác.	Sau khi kết thúc khai thác từng năm.
3	San lấp hố giảm tốc và mương dẫn, thoát nước	2.633 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc
4	Tháo dỡ lán trại tạm và nhà vệ sinh di động	30 m ²		Sau khi kết thúc khai thác
5	Tháo dỡ 6 công bi ngầm có đường kính Ø1000mm	6 cấu kiện		
6	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	3 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
7	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	2,15 ha	Giám sát chiều sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II	Ngoài khu vực khai thác			

STT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	San lấp mương thoát nước.	40 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau
2	Cải tạo nâng cấp tuyến đường ngoài khu vực dự án.	240 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.	10 ngày kể từ thời điểm kết thúc

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường 340.757.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn*).

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 85.189.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 255.568.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ (dự kiến thời điểm công bố chỉ số giá tiêu dùng vào ngày 29/12 hàng năm).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

Trường hợp chủ dự án không nộp hoặc chậm nộp tiền ký quỹ thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dè xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc, mương thoát nước mưa trong khu vực dự án và thực hiện gia cố, nắn dòng chảy các suối cạn trong khu vực, giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyên giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.